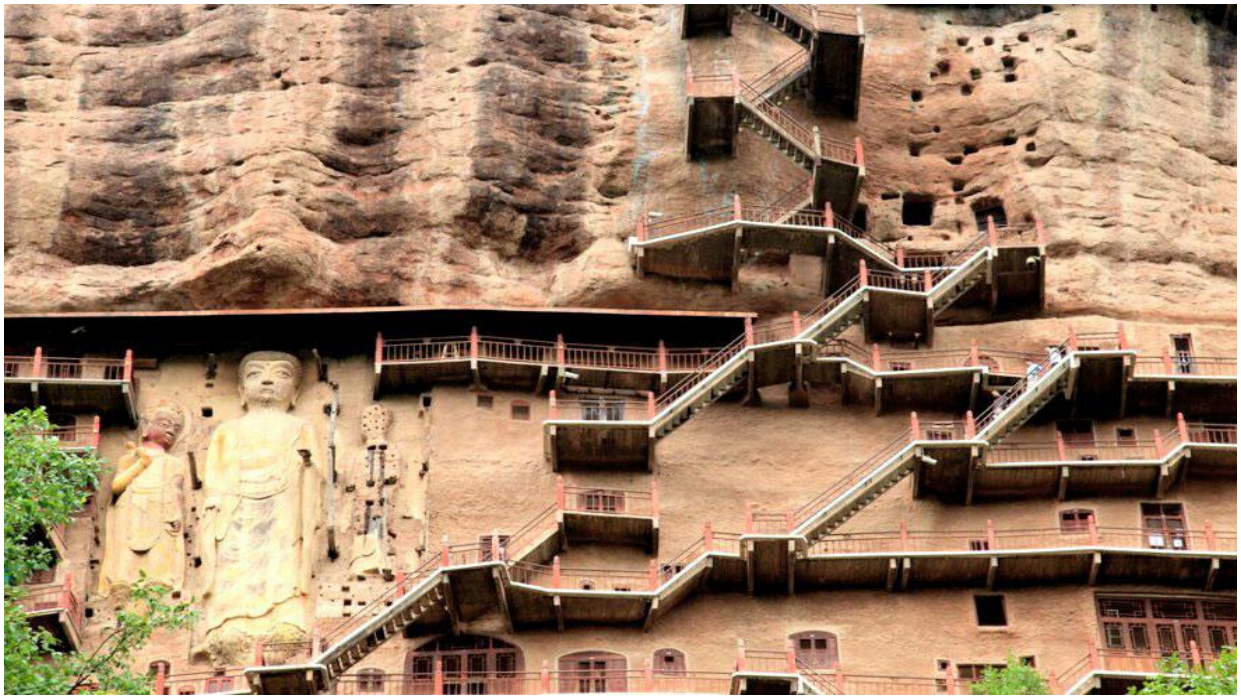




*Ngữ tộc Tocharian (một ngôn ngữ độc lập trong hệ Ấn-Âu ngữ nguyên thủy, hiện nay đã bị diệt vong)*



*Chùa cổ hơn 1700 năm ở Turfan*



粉本 Original manuscript for wall painting  
 回鹘高昌国时期。长26.5、宽16厘米。  
 吐鲁番市柏孜克里克石窟出土。现藏于吐鲁番地区博物馆。  
 纸质，木刻板印出细墨线画，残存5组，以一佛一菩萨一弟子为一组，每组高5、宽4.2厘米。为绘制壁画之稿本。



*Hang động (ở Turfan) cất giữ Phật điển của Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch.*



**Động “ngàn vị Phật” ở Turfan**

*Đại học Northwest thành lập Viện nghiên cứu Turfan học, năm 2005 xuất bản tờ bán niên san “Nghiên cứu Turfan học”*



# Nguồn gốc phát âm chữ Phật

Giáo sư Lý Tiên Lâm<sup>1</sup>

Thích Trung Nghĩa dịch

Năm 1947 tôi có viết bản văn nói về vấn đề liên hệ đến vấn đề quan hệ tương đối giữa thanh âm (清音) và trọc âm (濁音). Vốn dĩ tôi nhận định nguồn gốc đối âm (對音) là thanh âm. Giải thích của nhà văn hiến học Chu Yến Tôn cũng đúng từ góc độ này mà phân tích. Nhưng đã là cách đây 40 năm, hiện nay thấy được một số tài liệu mới mà trước nay không thể thấy được. Đại khái không cần phải biến thông vấn đề này, hoặc tìm kiếm chi li để giải quyết vấn đề. Nguồn gốc đối âm của chữ Phật (佛) có rất nhiều khả năng cũng là trọc âm.

Trước nay trong tiếng Uyghur<sup>2</sup> gọi chữ Phật là But, là trọc âm, mà trong bài viết tôi đã nói qua. Có thể lúc đó tôi cho rằng chữ Phật là dịch từ ngữ tộc Tochari,<sup>3</sup> nhưng không có tham khảo nhiều về tiếng Uyghur, từ đó dẫn đến có vài sơ xuất. Nhiều nước Phật giáo trước nay đều niệm Tam quy mạng theo tiếng Uyghur là:

Quy mạng Phật (Nam mô Phật) Namobut

Quy mạng pháp (Nam mô Pháp) là Namodrm

Quy mạng tăng (Nam mô Tăng) là Namosa

Trong đó, chữ Buddha của tiếng Phạn biến thành chữ But. Trong tiếng Uyghur còn có một chữ Bur tương đương với chữ Buddha của tiếng Phạn. Trong chữ dev tideva (thiên trung thiên 天中天) của tiếng Phạn biến thành chữ Trit risiburxana Vongabain, Buddhistischet Rkenmission của tiếng Uyghur.<sup>4</sup> Chữ Burxan này tổ thành từ hai chữ: Xan và Bur, cũng là Buddha. Chữ này ước chừng tương đương với chữ pt k t (k s•s•i) và chữ pud kte của ngữ tộc Tochari, chữ pud kte hoặc chữ pud kte (k s•s•i) của B. Nguồn gốc chữ Bur này từ đâu? Căn cứ ý kiến của bà A von Gabain, Bur diễn biến qua từ chữ But. Bà A von Gabain cho rằng, trong một phương ngôn nào đó thuộc phương bắc Trung Quốc, chữ t đọc là r, người Trung Quốc đem chữ tatar dịch thành chữ đạt hằng (達怛 phát âm cổ đại Hán ngữ lấy chữ t thay vào đầu), cũng thuộc từ phạm trù này.<sup>5</sup>

H W Bailey cũng có ý kiến riêng về vấn đề này. H W Bailey nói: “Chữ Phật (Buddha) cũng dùng một loại hình thức khác từ Trung Á truyền nhập Trung Quốc. Vào thế kỷ thứ VIII, chữ H-bur của tiếng Tây Tạng được biểu đạt đọc âm từ chữ Phật của tiếng Hán.<sup>6</sup> Sau khi trải qua phát triển âm đuôi chữ t, chữ r này đại biểu cho phụ âm âm đuôi của tiếng Hán. Trong phức hợp từ Pwrsnk Bursang (Phật-đà Tăng-già 佛陀僧伽) của tiếng Iran có từ

---

<sup>1</sup>Giáo sư Lý Tiên Lâm (Li Xianlin 1911-2009): Tiến sĩ triết học Đại học Göttingen nước Đức, Giáo sư Đại học Bắc Kinh và Đại học Thiên Chúa giáo Phụ Nhân ở Đài Loan, Phó viện trưởng Đại học Bắc Kinh, ủy viên Viện khoa học xã hội Trung Quốc thuộc Viện hàn lâm Khoa học Trung Quốc. Ông là bậc thầy Đông phương học nổi tiếng quốc tế, nhà sử học và nhà ngữ ngôn học đã được vinh danh bởi chính phủ của cả Ấn Độ và Trung Quốc. Ông thông thạo tiếng Phạn, tiếng Pali, tiếng Đức, tiếng Anh; đọc hiểu tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Nam Tư, đặc biệt là tiếng độc lập của Ấn Âu ngữ nguyên thủy (Tocharian language), chủ biên Đôn Hoàng Học Đại Từ Điển, soạn viết: Thế Giới Văn Hóa Sử Tri Thức gồm 10 quyển, Đại Đường Tây Vực ký Hiệu Chú gồm 2 quyển, Đông Phương Văn Học Sử, đều đầu tập trong Lý Tiên Lâm Văn Tập gồm 24 quyển. Ông là sao bắc đẩu trong giới học thuật, được xem như quốc bảo.

<sup>2</sup>Thời Đường gọi đế quốc Uyghur là Hồi Cốt (回鹘), là một đế quốc Đột Quyết (Turk) của người Duy Ngô Nhĩ được tồn tại trong khoảng một thế kỷ từ giữa thế kỷ VIII đến thế kỷ IX

<sup>3</sup>Ngữ tộc Tochari là một nhánh Ấn-Âu ngữ nhưng nay đã tiêu vong. Tiếng này được tìm thấy trong những thành phố rìa bắc lòng chảo Tarim (tỉnh Tân Cương) vào thế kỷ thứ VI đến thế IX, và đã thành lập bộ môn Ấn-Âu học.

<sup>4</sup>Asiatica, Festschrift Friedrich Wellev, Otto Harrassowitz, Leipzig, 1954, p 171

<sup>5</sup>Sđđ

<sup>6</sup>JRAS, Anh quốc hoàng gia Á châu học hội san, 1927, tr.296

này. Chữ này của tiếng Iran lại biến thành chữ Bursang của tiếng Uyghur, và hình thức cùng dạng truyền nhập qua tiếng Mông Cổ. Bộ phận thứ nhất về chữ Burxan (trong tiếng Mông Cổ cũng đồng dạng tiếng ngoại lai) của tiếng Uyghur, có thể cũng là đồng nhất với chữ Phật (Bur) này.<sup>7</sup> Và ý nghĩa chữ Tngriburxan của tiếng Uyghur cũng là “Thiên khả hãn Phật” (天可汗佛), nhưng hàm nghĩa này không xem là nhận thức đầy đủ. Như trong điển tịch tiếng Uyghur của Hồi giáo thì ý nghĩa chữ Burxanzru cũng là tên Burxan là người sáng lập Hỏa giáo; mặt khác, tiếng Nhật Bản mượn dùng liên quan đến chữ t.<sup>8</sup> Cùng giải thích về chữ t>r của OperaMinora thì có khác nhiều so với bà A von Gabain. Bởi vì nó từ Trung Á truyền nhập Trung Quốc, nên chứng cứ tợ như cũng không mấy dồi dào.

Như trên nói đến tình huống chữ Buddha của tiếng Phạn biến thành chữ But, sau đó từ chữ But biến thành chữ But của tiếng Uyghur, trong đó cũng liên quan đến một số ngữ ngôn cổ đại ở tỉnh Tân Cương và những vùng Trung Á khác. Nay nói đến tình huống chữ Buddha được biến hóa qua một số ngữ ngôn. Trước hết nêu lên điển hình:

Chữ Buddha của tiếng Đại Hạ biến thành chữ Bodo, Boddo, Boudo.

Chữ Buddha của tiếng Trung Ba Tư (còn gọi tiếng Parsik) trong kinh điển Bái hỏa giáo biến thành chữ Buddha của tiếng An Tức thuộc Mani giáo, rồi biến thành chữ Bwt/But/.

Chữ Buddha của tiếng Iran thuộc Mani giáo biến thành chữ Bwtypwtyy.

Chữ Buddha của tiếng Iran thuộc Phật giáo biến thành chữ Pwt.

Chữ Buddha của tiếng Dari biến thành chữ Botg djelanidavary của tiếng Bactrian

Thấy được những văn tự này được chia ra hai loại khác lớn: loại thứ nhất là tiếng Đại Hạ, trong đó, nguồn gốc nguyên âm chữ u của tiếng Phạn biến thành o hoặc ou, ngoài ra, trên căn bản bảo lưu nguyên hình. Loại thứ hai là văn tự của tiếng Iran thuộc từ những nguyên âm khác, trong đó biến hóa khá nhiều. Và tương tợ với nguyên tự của tiếng Phạn, sai biệt rất rõ ràng là: do hai âm tiết của nguyên tự biến thành một bé âm tiết (閉音節), làm mất đi nguyên âm đuôi chữ a (tiếng Phạn là chữ o, đơn số thể cách của tiếng Phạn cũng là o) của nguyên tự. Duy nhất có vấn đề là, trên đuôi ngữ văn của tiếng Sogdian thuộc Mani giáo có chữ y hoặc chữ yy, khả năng đại biểu một nửa nguyên âm. Và cũng là như vậy, nhưng cũng không ảnh hưởng đại cuộc. Chữ y bất luận thể nào cũng không thể cùng quan hệ tương đối với chữ u của tiếng Phạn, mà chữ y khả năng vẫn là một âm tiết. Trong đó phần nhiều đều là trắc âm, chỉ có tiếng Sogdian của Mani giáo và tiếng Sogdian của Phật giáo là thanh âm.

Nhưng căn cứ giải thích của H W Bailey, điều này cũng không là vấn đề. H W Bailey nói, trong tiếng Sogdian, giọng nói trên đầu chữ bđg của ngữ tộc Iran thuộc nguyên thủy Ấn Độ sẽ biến thành phụ âm, trong đó có hàm chứa chữ bđg của ngoại lai, họ đều yêu cầu viết thành chữ ptk. Từ đó, chữ pwty này cũng tương đương với nguyên âm chữ But. Trong tiếng Ba Tư mới, chữ But cũng tương đương với hình thức chữ này, nghĩa là ‘ngẫu tượng’ (偶像). Cho nên hàm nghĩa chữ Phật biểu đạt rất nhiều trong chương tiết của tiếng Ba Tư mới.<sup>9</sup>

Về điều này, cần làm sạch những điểm còn tàn lưu nghi ngờ trong vấn đề thanh âm và trắc âm. Bailey còn nêu lên,<sup>10</sup> trong đó chữ But này, nó là mưu đồ dùng để thay thế (V d vd t, 19, 1, 2, 43, chương này viết khoảng vào thế kỷ thứ II tTl) chữ Biti này của tiếng Avesta. Tiếng Ba Tư mới, chứng minh có dạng chữ Buti này. Chữ

<sup>7</sup> Mironov, Nghiên cứu Quy Tự, tr.74

<sup>8</sup>OperaMinora, ArticlesonIranianStudies, edbyMNawabi, ShirazIran, 1981,p.104.

<sup>9</sup> OperaMinora, p.103

<sup>10</sup> Bundhi noperaminorap. 130

Buti này hoàn toàn tương ứng với chữ Pwty của tiếng Sogdian. Các học giả cho rằng, đó cũng là chữ Buddha (Phật).<sup>11</sup>

Căn cứ trình bày trên, đã giải quyết rốt ráo toàn bộ vấn đề tồn đọng bài viết của tôi vào năm 1947. Và cùng từ việc khảo sát mối liên quan quan hệ hai chữ Phật và phù đồ. 1, sẽ phát hiện chữ Buddha của tiếng Phạn tương ứng với trong tiếng Đại Hạ. Hai chữ phù đồ (浮屠) của Hán dịch được bắt nguồn từ âm tiết hai tiếng này, phụ âm và nguyên âm đều không chút vấn đề. 2, trong văn tự của ngữ tộc Arya khác, chỉ có một âm tiết quan hệ tương đối với chữ Buddha.<sup>12</sup> Trong hai điều giải thích trên, chữ i sau cùng của chữ AvestaBiti có thể bắt nguồn từ tiếng Đông Iran. Chữ i này, là bắt nguồn từ chữ Phật của Hán dịch, cũng là nữa nguyên âm chữ y. Làm sao biết chính xác? Hiện tượng cực kì đơn giản này, cũng có ý nghĩa cực kì sâu sắc.

Trong đó tôi còn nói mồn một về vấn đề ngữ tộc Tochari. Học giả nước Đức FranzBernhard viết bài “Kiền-đà-la văn dữ Phật giáo tại Trung Á đích truyền bá” (犍陀羅文與佛教在中亞的傳播 Gndhr and the BuddhistMissioninCentralAsia,Ajali, PapersonIndologyandBuddhism, OHdeA jesekeraFelicitationVolume, ed byJ Tilakasiri, Peradeniya1970, pp 55~62) chủ yếu là luận chứng về Phật giáo Trung Á và thời kì truyền bá Trung Quốc, nêu lên tiếng Kiền-đà-la mang tác dụng làm cầu nối cực kì quan trọng. FranzBernhard nêu điển hình chữ Di-lặc của Hán dịch, cho rằng chữ Di-lặc (彌勒) của Hán dịch là thông qua chữ Metraga của tiếng Kiền-đà-la. Trong đó ông còn nói đến chữ Phật, còn dẫn dụng bài viết “Phù-đồ và Phật” của tôi viết vào năm 1947. Ông nói: “Không thấy có nêu ra một luận chứng cặn kẽ, nên tôi nghĩ rằng, mọi người có thể thấy được chữ But của tiếng Tocharian (có thể tương tự với chữ ‘Pud’ trong ‘Pud kte’ của tiếng Tây Tocharian và chữ ‘pt k t’ của tiếng Đông Tocharian) mà chữ Phật của Hán dịch, từ đó thấy được chữ Phật-đà (佛陀) là một hình thái (xuất hiện trễ) thứ yếu.

Theo trình bày trên, thấy được tiếng nguyên thủy chữ Bernhard hoàn toàn có thể chiếm chỗ đứng vững. Chữ Bernhard này cũng chứng minh từ chính diện, do đó quan điểm nguồn gốc chữ Phật mà tôi nói là có cơ sở. Vậy chữ Phật không có khả năng là từ nguồn gốc của một loại ngữ ngôn nào đó trong ngữ tộc Iran ư? Tôi cho rằng điều này có thể đang tồn đọng, nên phải chờ thảo luận sâu thêm. Trong đó tôi nghĩ sẽ bổ sung lời lẽ, vì trong tiếng Khotan cùng thuộc từ ngữ tộc Iran thì chữ Phật là Balysa, nhưng rõ ràng khác với những văn tự khác của cùng ngữ tộc.<sup>13</sup>

*Trích dịch từ quyển 15 Đề Mục Phật Giáo.*

---

<sup>11</sup> OperaMinorapp.106~107

<sup>12</sup> Sdd

<sup>13</sup>Xem H W Bailey, DictionaryofKhotanSaka, CambridgeUniversityPress, 1978